

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 6 – 2026

“V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, bà Bùi Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2026/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2026, Thông báo về việc chuyển lịch xét xử vụ án dân sự số 228/TB-TA ngày 04/6/2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn T, xã C, thành phố Huế - Văng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Thị Ph, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số nhà 124, xóm 5, thôn 8D, xã E, tỉnh Đắk Lắk – Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ph quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian, sau đó ông T và bà Ph tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/11/2010 tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn. Vợ chồng ông chung sống tại nhà bố mẹ ông T tại thôn

T, xã C, thành phố Huế. Sau đó một thời gian thì vợ chồng vào Sài Gòn làm ăn sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ thay đổi muốn sống với gia đình ngoại và không muốn về với gia đình chồng. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Thời gia sống ly thân đã rất lâu rồi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể về chung sống hạnh phúc với nhau nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Ph.

Về con chung: Ông T và bà Ph có hai con chung là Nguyễn Võ Bảo Y, sinh ngày 30/10/2011 và cháu Nguyễn Võ Lê Th, sinh ngày 04/12/2018. Hiện nay cháu Bảo Y đang sống cùng ông T tại xã C, thành phố Huế, còn cháu Th đang sống cùng bà Ph tại Đắc Lắc. Ông T có nguyện vọng sau khi ly hôn thì ông T sẽ tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Bảo Y đến khi đủ 18 tuổi. Còn bà Ph sẽ tiếp tục nuôi cháu Th đến khi đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Võ Thị Ph trình bày:*

Bà Ph và ông Nguyễn Văn T quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian, sau đó bà Ph và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 21/11/2010. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà Ph có mâu thuẫn với gia đình chồng, sau đó thì bà Ph cũng không về nhà chồng sinh sống nữa. Nay bà Ph cho rằng vẫn còn tình cảm với ông T và mong muốn vợ chồng sống với nhau và cùng nhau nuôi dạy con cái nên bà Ph không đồng ý ly hôn với ông T. Nếu ông T vẫn một mực muốn ly hôn thì tùy Tòa án giải quyết.

Về con chung: Ông T và bà Ph có hai con chung là cháu Nguyễn Võ Bảo Y, sinh ngày 30/10/2011 và cháu Nguyễn Võ Lê Th, sinh ngày 04/12/2018. Hiện nay, cháu Bảo Y đang sống cùng ông T tại xã C, thành phố Huế, còn cháu Th đang sống cùng bà Ph tại Đắc Lắc. Do bà Ph không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con. Tuy nhiên, nếu ông T vẫn nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà Ph có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Th đến khi đủ 18 tuổi, còn ông T sẽ tiếp tục nuôi cháu Y đến khi đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp

hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng cả quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên cần chấp nhận, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Võ Thị Ph;

Về con chung: Giao con Nguyễn Võ Bảo Y, sinh ngày 30/10/2011 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Nguyễn Võ Lê Th, sinh ngày 04/12/2018 cho bà Võ Thị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Thôn 8D, xã E, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Võ Thị Ph đã được Tòa án thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ph vào ngày 21/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên

Huế (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Huế) trên tinh thần tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình sống chung, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Ph có mâu thuẫn với gia đình của ông T, không có tiếng nói chung trong gia đình, bà Ph không muốn về chung sống cùng gia đình của ông T tại xã C, thành phố Huế. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông T và bà Ph đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2019 cho tới nay.

HĐXX nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Ph và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. HĐXX xét thấy yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Ph.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ph có 02 con chung là Nguyễn Võ Bảo Y, sinh ngày 30/10/2011 và Nguyễn Võ Lê Th, sinh ngày 04/12/2018. Hiện nay, cháu Y đang sống cùng ông T tại xã C, còn cháu Th đang sống cùng bà Ph tại xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Cháu Y có nguyện vọng được tiếp tục sống với bố, còn cháu Th có nguyện vọng tiếp tục được sống với mẹ. Quá trình Tòa án xác minh tại thôn Thổ Sơn, xã C và tại thôn 8D, xã E thấy ông T và bà Ph đang nuôi dưỡng các con phát triển khỏe mạnh về tâm sinh lý và sức khỏe, điều kiện sinh sống, học tập đầy đủ. Ngoài ra, các đương sự cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng mỗi người một con như hiện nay. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông T và bà Ph, giao cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y, giao cho bà Ph tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Võ Thị Ph.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Võ Bảo Y, sinh ngày 30/10/2011 cho ông Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi);

Giao con Nguyễn Võ Lê Th, sinh ngày 04/12/2018 cho bà Võ Thị Ph chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000313 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 7 – Đắk Lắk;
- THA.DS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THA.DS KV 7 – Đắk Lắk;
- UBND xã C, tp. Huế;
- THA.DS thành phố Huế;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giang

Bùi Thị Thêm

Đặng Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 7 – Đắk Lắk;
- THA.DS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THA.DS KV 7 – Đắk Lắk;
- UBND xã Chân Mây – Lăng Cô, tp. Huế;
- THA.DS thành phố Huế;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thu Hà

